



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

(Kèm theo quyết định số: /QĐ-VPCNCL ngày tháng 02 năm 2025
của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng)

TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN/ Organisation

Tiếng Việt/ in Vietnamese: **CÔNG TY TNHH KENCERT**

Tiếng Anh/ in English: **KENCERT COMPANY LIMITED**

SỐ HIỆU CÔNG NHẬN/ Accreditation Number: VICAS 025 – EMS

ĐỊA CHỈ ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Location Covered by Accreditation

Địa chỉ/ Address:

24 Vũ Hữu, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

24 Vu Huu, Hoa Thuan Tay ward, Hai Chau district, Da Nang city.

Tel: +84 236 3643221 Email: infor@kencert.vn Website: <https://kencert.vn/>

CHUẨN MỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation Standards

- ISO/IEC 17021-1:2015
- ISO/IEC 17021-2:2016

HIỆU LỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation period

Từ/ from /02/2025 đến/ to 07/01/2027

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ *Scope of Accreditation*

Chứng nhận hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn TCVN 14001:2015 cho các lĩnh vực như sau/
Certification of environment management system according to ISO 14001:2015 for the scopes as follows:

Nhóm ngành/ <i>Technical cluster</i>	Mã IAF <i>IAF code</i>	Ngành kinh tế/ <i>Economic sector</i>	Phạm vi cụ thể theo mã NACE, Rev.2 <i>Detail scopes according to NACE code, Rev.2</i>
Hóa chất <i>Chemicals</i>	12	Hóa chất, sản phẩm hóa học và sợi hóa học <i>Chemicals, chemical products and fibres</i>	20: Sản xuất hóa chất và các sản phẩm hóa học/ <i>Manufacture of chemicals and chemical products</i>
	14	Cao su và các sản phẩm nhựa <i>Rubber and plastic products</i>	22.1: Sản xuất các sản phẩm cao su/ <i>Manufacture of rubber products</i> 22.2: Sản xuất các sản phẩm nhựa/ <i>Manufacture of plastics products</i>
	15	Các sản phẩm khoáng phi kim <i>Non-metallic mineral products</i>	23.1: Sản xuất kính và sản phẩm kính/ <i>Manufacture of glass and glass products</i> 23.2: Sản xuất gạch nung/ <i>Manufacture of refractory products</i> 23.3: Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét/ <i>Manufacture of clay building material</i> 23.4: Sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác/ <i>Manufacture of other porcelain and ceramic products</i> 23.7: Cắt, tạo hình, hoàn thiện đá/ <i>Cutting, shaping and finishing of stone</i> 23.9: Sản xuất các sản phẩm mài mòn và các sản phẩm khoáng phi kim khác (chưa được phân loại)/ <i>Manufacture of abrasive products and non-metallic mineral products n.e.c.</i>
	16	Bê tông, xi măng, vôi, vữa <i>Concrete, cement, lime, plaster</i>	23.5: Sản xuất xi măng, vôi, vữa/ <i>Manufacture of cement, lime and plaster</i> 23.6: Sản xuất các sản phẩm từ bê tông, xi măng, vữa/ <i>Manufacture of articles of concrete, cement and plaster</i>
	17	Sản xuất kim loại cơ bản (luyện kim)/ <i>Base metals production</i>	24 (ngoại trừ/ <i>except 24.46</i>): Sản xuất kim loại cơ bản/ <i>Manufacture of basic metals</i>

Ghi chú/ *Note:* Trường hợp Công ty TNHH KENCERT cung cấp dịch vụ chứng nhận thì Công ty TNHH KENCERT phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *In case Kencert Company Limited provides certification services, the Company must register its operations and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*